TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2023/DS-ST
Ngày 06/9/2023
Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Song Tố Như

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Thanh Phiên;

+ Ông Mai Văn Tự.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Liêm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Hồ Chí Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ 12, ấp L, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; *(vắng mặt)*

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim H, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp T, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh *(Văn bản ủy quyền ngày 14/3/2023) (có mặt)*

- Bị đơn: Bà Nhâm Thị Mỹ H, sinh năm 1962 và ông Lê Chí N, sinh năm 1958; địa chỉ: tổ 15, ấp B, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (*vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2023 và bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Chị Phạm Thị Kim H trình bày:

Bà Nguyễn Thị T có cho vợ chồng bà H, ông N vay tiền nhiều lần. Đến ngày 08/02/2021, hai bên có chốt nợ số tiền 212.000.000 (hai trăm mười hai triệu) đồng. Bà H tự viết và ký tên vào mẫu giấy mượn tiền in sẵn của bà T. Hai bên thỏa thuận trả góp mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng cho đến khi hết nợ, không thỏa thuận lãi suất. Sau khi chốt nợ, bà H, ông N có góp cho bà T mỗi tháng được số tiền 76.000.000 (bảy mươi sáu triệu) đồng thì ngưng. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà H, ông N có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền còn lại là 136.000.000 (một trăm ba mươi sáu triệu) đồng nhưng bà H, ông N không trả cho bà T số tiền nào.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H, ông N có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 136.000.000 (một trăm ba mươi sáu triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Nhâm Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 136.000.000 (một trăm ba mươi sáu triệu) đồng, không yêu cầu chồng bà H là ông Lê Chí N có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả nợ cho bà T.

Bị đơn là bà Nhâm Thị Mỹ H, ông Lê Chí N có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp B, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bà H, ông N không đến Tòa án làm việc, không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, Thẩm phán đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Chí N và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nhâm Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 136.000.000 (một trăm ba mươi sáu triệu) đồng, ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về yêu cầu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nhâm Thị Mỹ H và ông Lê Chí N có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền 136.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Chí N, chỉ yêu cầu bà Nhâm Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả nợ cho bà T nên Hội đồng xét xử xác định bị đơn trong vụ án là bà Nhâm Thị Mỹ H.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Nhâm Thị Mỹ H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản là hợp đồng dân sự, tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nhâm Thị Mỹ H có nơi cư trú tại xã Phước M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện D theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là bà Nhâm Thị Mỹ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Bà T vắng mặt, đã ủy quyền cho chị H tham gia tố tụng, chị H có mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật

[2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Nhâm Thị Mỹ H, yêu cầu bà H trả lại cho bà T số tiền 136.000.000 (một trăm ba mươi sáu triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản gốc tờ "Giấy mượn tiền" đề ngày 08/02/2021 do bà H tự viết và ký tên vào mẫu giấy mượn tiền in sẵn. Nội dung Giấy mượn tiền thể hiện bà H có vay của bà T số tiền 212.000.000 (một trăm mười hai triệu) đồng, thỏa thuận mỗi ngày 05 hàng tháng sẽ trả góp 5.000.000 (năm triệu) đồng, không thể hiện lãi suất và thời hạn vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, không tham gia tố tụng. Theo quy định tại các Điều 70, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, các bên đương sự có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc bị đơn cố tình vắng mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ được coi là từ bỏ việc chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ đương sự đã giao nộp và tài liệu chứng cứ Toà án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Như vậy, dựa trên "Giấy

mượn tiền" đề ngày 08/02/2021, có đủ căn cứ xác định giữa bà T và bà H có xác lập giao dịch vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H có trả cho bà T mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng, đã trả được 76.000.000 (bảy mươi sáu triệu) đồng đến tháng 11/2022 thì ngưng. Dù bà T đã nhiều lần yêu cầu bà H tiếp tục trả cho bà T số tiền còn lại là 136.000.000 (một trăm ba mươi sáu triệu) đồng nhưng bà H không thực hiện. Do bà H đã vi phạm nghĩa vụ đã cam kết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T nên căn cứ các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nhâm Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc 136.000.000 (một trăm ba mươi sáu triệu) đồng, ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nhâm Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nhâm Thị Mỹ H về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

Buộc bà Nhâm Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 136.000.000 (một trăm ba mươi sáu triệu) đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi.

Ghi nhận bà T không yêu cầu ông Lê Chí N, là chồng bà H có trách nhiệm cùng bà H trả nợ cho bà T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Nhâm Thị Mỹ H phải chịu 6.800.000 (sáu triệu tám trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại bà Nguyễn Thị T số tiền 3.400.000 (ba triệu bốn trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0013173 ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện DMC
- Chi cục THADS huyện DMC
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Trần Song Tố Như